

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Lê C**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng L và anh Lê C thành hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, chị L cho rằng anh C không chung thủy, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay. Chị L và anh C không thể đoàn tụ nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lê C nhưng anh C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê C có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng L khởi kiện xin ly hôn với anh Lê C, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với anh Lê C nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng L và anh Lê C thành hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn số 98/Ht2016/TLKH-BS ngày 08/4/2016, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, chị L cho rằng anh C không chung thủy, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị L xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Do đó, có căn cứ xác định đời sống hôn nhân giữa chị L và anh C không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng L, cho chị L được ly hôn với anh Lê C.

[3] Về con chung: Chị L xác định, chị L và anh Lê C không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng L, chị L được ly hôn với anh Lê C.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, ngày 30 tháng 08 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008610 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Minh Luân